

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây mới xưởng thực hành thuộc Trung tâm GDNN-GDTX huyện Triệu Sơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ 16 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây mới xưởng thực hành thuộc Trung tâm GDNN-GDTX huyện Triệu Sơn; điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn khóa XVIII, kỳ họp thứ 2;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 319/TĐ-KTHT ngày 14/11/2021 và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tại Tờ trình số 510/TTr-UBND ngày 28/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Xây mới xưởng thực hành thuộc Trung tâm GDNN-GDTX huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Xây mới xưởng thực hành thuộc Trung tâm GDNN-GDTX huyện Triệu Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng - cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.

5. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

5.1. Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 78,56x7,8m (tính theo tim tường); chiều cao tầng là 3,6m, mái là 2,0m; chiều cao từ cos nền hoàn thiện đến cos đỉnh mái là 5,6m. Giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 1,8m. Mặt bằng gồm các phòng: Bếp; điện dân dụng; điện lạnh; hàn; nghề nông nghiệp; tin học; sửa chữa ô tô, xe máy (diện tích mỗi phòng 46,8m²) và phòng may (diện tích 140,4m²).

- Tường xây gạch không nung 2 lỗ (6,0x10,5x21)cm VXM M75, trát tường, dầm, trần VXM M75; toàn bộ tường, dầm trần sơn 01 nước lót, 02 nước màu hoàn thiện. Nền, sàn lát gạch Ceramic KT 500x500mm.

- Mái xây tường thu hồi gạch không nung VXM M75, trát VXM M75, giằng BTCT M200 đá 1x2, xà gồ thép hình C80x40x40x3mm; mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm.

- Lan can hành lang xây gạch không nung 2 lỗ(6,0x10,5x21)cm VXM M75 có ô thoáng, trát VXM M75, trát granito thành lan can VXM M75.

- Cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhựa lõi thép, kính dày 5mm; hoa sắt cửa sổ thép đặc vuông 12x12mm, sơn tĩnh điện.

- Bậc tam cấp xây bằng gạch không nung VXM M75. Mặt bậc tam cấp ốp đá granit.

5.2. Giải pháp kết cấu:

- Phần móng: Móng đơn BTCT M200 đá 1x2 trên nền tự nhiên, kết hợp móng xây đá học VXM M75; giằng móng BTCT đá 1x2 M200 đổ tại chỗ, tiết diện giằng móng 220x300mm.

- Phần thân: Nhà kết cấu khung chịu lực; Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M200 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x350mm, 220x500mm. Sàn BTCT đá 1x2 M200 dày 10cm.

5.3. Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Cấp điện: Được lấy từ nguồn điện hiện có trong Trung tâm kéo vào công trình bằng dây dẫn CU/PVC 2x16mm². Nguồn điện từ tủ điện tổng đến tủ điện các phòng bằng dây dẫn CU/PVC 2x10mm²; dây dẫn từ nguồn tổng đến các phòng dùng dây CU/PVC 2x8mm²; dây dẫn trong phòng dùng dây CU/PVC 2x4mm²; dây dẫn chiếu sáng hành lang CU/PVC 2x2,5mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét $\phi 16$ dài 1m; dây dẫn sét thép $\phi 10$. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m chôn sâu cách mặt đất 0,72m; dây tiếp địa thép $\phi 16$.

5.4. Giải pháp cấp, thoát nước:

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước của Trung tâm và được dẫn về phòng bếp bằng đường ống PVC D32.

- Thoát nước từ chậu rửa phòng bếp được thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài bằng ống nhựa PVC D60.

- Nước mưa trên mái được thu về sê nô xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

- Rãnh thoát nước được bố trí xung quanh xưởng thực hành và kết nối ra rãnh hiện trạng, kích thước mặt cắt ngang hình chữ nhật $b \times h = 0,3 \times 0,3 \text{m}$, kết cấu đáy bằng BTXM M150 đá 1x2 dày 10cm; thành xây gạch không nung đặc 6x10,5x20cm dày 11 cm, trát thành trong VXM M75; phía trên rãnh đáy tấm đan BTCT M200 đá 1x2 dày 7cm.

5.5. Đường nội bộ vào xưởng thực hành:

Đường nội bộ kết nối vào xưởng thực hành được đắp bằng đất đầm trị đảm bảo $K \geq 0,95$, bề rộng nền $B_n = 4,5 \text{m}$; mặt đường đổ bê tông M250 đá 1x2 dày 15cm dưới là lớp nilon tái sinh; cốt khe co giãn sâu 12cm (5m/khe).

6. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

6.1. Giá trị dự toán: 4.397.275.000 đ.

(Bốn tỷ, ba trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	3.801.395.000 đ
- Chi phí QLDA	119.087.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	334.280.000 đ
- Chi phí khác	73.265.000 đ
- Chi phí dự phòng	69.248.000 đ

(có biểu chi tiết kèm theo)

6.2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách huyện và các nguồn hợp pháp khác.

7. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2022.

Điều 2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc huyện; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN**CÔNG TRÌNH: XÂY MỚI XƯỞNG THỰC HÀNH THUỘC TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN TRIỆU SƠN***Đơn vị tính: Đồng*

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	3.455.813.636	345.581.364	3.801.395.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	119.087.338		119.087.338
III	CHI PHÍ TVĐTXD	303.890.565	30.389.057	334.279.622
1	Khảo sát	13.994.545	1.399.455	15.394.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát	420.000	42.000	462.000
3	Giám sát khảo sát	570.000	57.000	627.000
4	Lập Báo cáo KT-KT	160.453.427	16.045.343	176.498.770
5	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	14.929.115	1.492.911	16.422.026
6	Giám sát thi công xây dựng	113.523.478	11.352.348	124.875.826
IV	CHI PHÍ KHÁC	69.109.835	4.154.906	73.264.741
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	417.741		417.741
2	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT	3.455.814		3.455.814
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	12.334.876		12.334.876
4	Kiểm toán	41.549.056	4.154.906	45.703.962
5	Kiểm tra công tác nghiệm thu xây dựng công trình của cơ quan quản lý nhà nước	11.352.348		11.352.348
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	63.166.422	6.082.005	69.248.427
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	63.166.422	6.082.005	69.248.427
	TỔNG CỘNG	4.011.067.797	386.207.331	4.397.275.128
	LÀM TRÒN			4.397.275.000
<i>Bốn tỷ, ba trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn./.</i>				